

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Máy và thiết bị lạnh (22830602)

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123180057	Đặng Quốc Bảo	16/06/2005	CCQ2318B	2	Bảo	7.6	8.5	8.1	
2	2123180069	Huỳnh Công Bảo	03/12/2005	CCQ2318B	2	B. Công	7.9	9.0	8.6	
3	2123180041	Võ Văn Đại	09/08/2005	CCQ2318B			0.0	0		
4	2123180045	Lê Đoàn Hải Đăng	07/11/2005	CCQ2318B			0.0	0		
5	2123180067	Nguyễn Văn Danh	26/03/2005	CCQ2318B	2	Danh	8.5	9.3	9.0	
6	2121170222	Dương Quốc Đạt	06/01/2003	CCQ2118C	2	Dat	7.7	8.0	7.9	
7	2123180043	Phan Văn Định	31/12/2005	CCQ2318B	2	Đinh	7.5	8.5	8.1	
8	2123180061	Lương Duy Doan	06/03/2005	CCQ2318B	2	Đoan	6.7	7.0	6.9	
9	2123180050	Nguyễn Quang Đông	23/11/2005	CCQ2318B	2	Đông	6.9	8.0	7.6	
10	2123180085	Trần Hoàng Minh	19/10/2004	CCQ2318C	1	Minh	6.9	7.0	7.0	
11	2123180130	Phạm Bá Ngà	09/11/2005	CCQ2318C	1	Ngà	7.0	6.0	6.4	
12	2123180103	Phan Tuấn Phát	10/03/2005	CCQ2318C	1	phat	6.9	6.5	6.2	
13	2123180028	Trần Ngọc Quý	04/02/2005	CCQ2318A	2	Quý	7.6	7.0	7.2	
14	2123180082	Phạm Phan Minh Quynh	29/11/2003	CCQ2318C	2	Quynh	6.8	7.3	7.1	
15	2123180114	Châu Phước Sang	24/12/2005	CCQ2318C			0.0	0	0	
16	2121180037	Đặng Thanh Sơn	06/02/2003	CCQ2118B	2	Son	6.5	7.8	7.3	
17	2123180102	Lê Tấn Tài	24/03/2005	CCQ2318C	2	Tai	7.6	8.3	8.0	
18	2123180093	Nguyễn Thành Tài	02/02/2005	CCQ2318C	2	Tai	7.4	7.0	7.2	
19	2123180002	Lê Chí Tâm	01/09/2004	CCQ2318A	2	Tam	7.4	7.5	7.5	
20	2122180075	Trần Văn Tâm	30/05/2004	CCQ2218C	2	Tam	7.5	8.0	7.8	
21	2123180072	Nguyễn Minh Thái	03/09/2005	CCQ2318C	2	Tai	8.1	8.5	8.3	
22	2123180030	Nguyễn Đức Thắng	06/11/2005	CCQ2318A	1	Thap	7.8	7.8	7.8	
23	2123180026	Trần Quang Thắng	25/01/2005	CCQ2318A	2	Thang	8.6	9.3	9.0	
24	2123180100	Huỳnh Công Thành	26/05/2005	CCQ2318A	1	Thang	7.0	8.0	7.6	
25	2123180110	Nguyễn Hà Trương Thanh	28/07/2005	CCQ2318C			0.0	0	0	
26	2122180098	Bùi Nguyễn Đình Thống	22/10/2004	CCQ2218C			0.0	0	0	
27	2123180089	Trần Văn Thương	02/05/2005	CCQ2318C	1	Thang	8.6	8.8	8.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Máy và thiết bị lạnh (22830602)

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20/51

N. V. Tuấn
K. M. M. M. M.
N. A. N. N. N.
K. M. M. M. M.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123180106	Phan Nhật Anh	Tiến	10/03/2004	CCQ2318A	1		7.8	8.3	8.1	
2	2123180112	Đặng Trung	Tín	23/04/2001	CCQ2318C	1		8.4	9.5	9.1	
3	2123180031	Nguyễn Thành	Tính	01/01/2005	CCQ2318A	1		5.0	6.0	5.6	
4	2123180058	Nguyễn Thái Bảo	Tinh	26/08/2005	CCQ2318B	2		6.9	5.8	6.2	
5	2123180120	Nguyễn Thanh	Toàn	17/09/2005	CCQ2318B	2		6.6	8.0	7.4	
6	2123180115	Đinh Trần Bình	Trọng	11/08/2005	CCQ2318C			0.0			
7	2123180064	Nguyễn Kế	Trung	03/07/2005	CCQ2318B	2		7.5	8.0	7.8	
8	2123180004	Nguyễn Sĩ	Trung	03/03/2005	CCQ2318A	1		8.0	8.5	8.3	
9	2123180065	Nguyễn Thanh	Tú	05/11/2005	CCQ2318B	2		7.5	8.8	8.3	
10	2123180019	Lê Kế	Từ	28/01/2005	CCQ2318A	1		6.9	6.8	6.8	
11	2123180095	Nguyễn Văn	Tuấn	01/04/2005	CCQ2318C	1		6.9	6.3	6.5	
12	2123180101	Lê Lưu	Tùng	02/06/2003	CCQ2318C	2		7.4	8.3	7.9	
13	2123180048	Nguyễn Minh	Tường	20/06/2005	CCQ2318B	2		7.3	7.5	7.4	
14	2123180073	Nguyễn Hồng	Ty	27/02/2005	CCQ2318C			0.0			
15	2123180038	Phạm Quang	Vĩ	24/03/2005	CCQ2318B	2		7.8	8.5	8.2	
16	2123180092	Phạm Trung	Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C	2		6.1	8.0	7.2	
17	2123180007	Huỳnh Anh	Việt	04/01/2005	CCQ2318A	2		7.0	7.3	7.2	
18	2123180127	Nguyễn Công	Việt	22/03/2004	CCQ2318C			0.0			
19	2123180060	Trương Quốc	Việt	12/10/2004	CCQ2318B	2		5.0	6.0	5.6	
20	2123180047	Đặng Quang	Vinh	28/11/2005	CCQ2318B	1		6.1	5.0	5.4	
21	2123180076	Phan Trọng	Vinh	16/11/2005	CCQ2318B	1		6.5	6.5	6.5	
22	2123180014	Nguyễn Hoàng	Vũ	02/01/2005	CCQ2318A	1		6.6	5.3	5.8	
23	2123180042	Nguyễn Xuân	Vũ	26/12/2005	CCQ2318B	2		6.3	6.8	6.6	